

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

| <b>Nội dung</b>  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                               | <b>2 – 3</b>   |
| <b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                   | <b>4 – 5</b>   |
| <b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>                | <b>6 – 42</b>  |
| <i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>6 – 9</i>   |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022</i>      | <i>10</i>      |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2022</i>                | <i>11 – 12</i> |
| <i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022</i>         | <i>13 – 42</i> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20 tháng 05 năm 2021.

***Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 là 195.000.000.000 VND***

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 65 Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Nghị quyết HĐQT số 03/2023/STH/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Công ty đã thông qua việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát (Công ty con). Theo đó, Công ty sẽ thoái toàn bộ phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát bằng hình thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 56.100.000.000 VND. Ngày 04 tháng 5 năm 2023, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 001/HĐCN-CDP/PHS-TH về việc chuyển nhượng nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ  |                                     |
|---------------------|----------|-------------------------------------|
| Nguyễn Quốc Thái    | Chủ tịch |                                     |
| Bà Nguyễn Thị Quy   | Ủy viên  |                                     |
| Bà Nguyễn Thị Vinh  | Ủy viên  |                                     |
| Ông Phạm Như Cường  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022   |
| Ông Phạm Như Cường  | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2023 |
| Bà Lê Thị Hoài Anh  | Ủy viên  |                                     |
| Bà Bạch Phương Vinh | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Lã Thị Mai Liên  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2023   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### **Ban kiểm soát**

| <u>Họ và tên</u>        | <u>Chức vụ</u> |                                     |
|-------------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Lan Hương | Trưởng ban     | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022   |
| Bà Phùng Thị Hà         | Trưởng ban     | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Minh      | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022   |
| Bà Nguyễn Thị Như Thùy  | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022   |
| Ông Hà Huy Thuyết       | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Huế       | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |

### **Ban Tổng Giám đốc**

| <u>Họ và tên</u>   | <u>Chức vụ</u>    |                        |
|--------------------|-------------------|------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Quy  | Tổng Giám đốc     |                        |
| Bà Lê Thị Mai Liên | Phó Tổng Giám đốc |                        |
| Ông Kiều Văn Hậu   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 6/9/2022 |

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

## Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 05 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



Nguyễn Thị Quy

Số : 1506.02.03/2022/BCTC-NVT2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**  
**Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên, được lập ngày 15 tháng 05 năm 2023 từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao Dương Phát (Công ty con) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T. Đ. K – Chi nhánh Hà Thành có dạng ý kiến ngoại trừ về các vấn đề sau:

- *Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vì vậy, kiểm toán viên chỉ thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp;*
- *Đối với Tài sản cố định hữu hình mã 221 trên Bảng Cân đối kế toán, trên cơ sở hiện trạng tài sản và việc ghi nhận giá trị ghi sổ của khoản mục này. Kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của khoản mục này đến Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.*

Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi cũng không xác định được mức độ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trụ sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan,  
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

5

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

[T] (84-24) 3761 3399

[F] (84-24) 3761 5599

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

[W] www.ntva.vn

[E] vpa@ntva.vn

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái nguyên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2023

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Văn Tân**  
GCNĐKHNT số: 5348-2020-124-1

**Phạm Văn Tuấn**  
GCNĐKHNT số: 4497-2023-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>217.156.648.674</b> | <b>46.878.486.558</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.943.647.865</b>  | <b>6.998.617.455</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 11.943.647.865         | 6.998.617.455         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>6.794.000.000</b>   | <b>17.000.000.000</b> |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2         | 6.794.000.000          | 17.000.000.000        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>187.075.759.818</b> | <b>15.277.727.005</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 6.563.578.596          | 2.835.190.244         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 97.813.858             | 61.467.619            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 33.750.000.000         | 3.400.000.000         |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6a        | 146.689.622.864        | 9.024.806.420         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (25.255.500)           | (43.737.278)          |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>9.399.511.090</b>   | <b>6.778.978.725</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 9.399.511.090          | 6.778.978.725         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.943.729.901</b>   | <b>823.163.373</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.9a        | 1.290.096.698          | 236.125.264           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 413.633.203            | 525.809.322           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.17        | 240.000.000            | 61.228.787            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>87.614.021.770</b>  | <b>201.331.179.179</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>-</b>               | <b>180.400.000.000</b> |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.6b        | -                      | 180.400.000.000        |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>39.598.706.603</b>  | <b>9.399.918.326</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 39.299.869.104         | 9.399.918.326          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 58.068.354.578         | 17.421.723.710         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (18.768.485.474)       | (8.021.805.384)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.11        | 298.837.499            | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 474.500.000            | 168.000.000            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (175.662.501)          | (168.000.000)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>14.690.390.103</b>  | <b>6.674.000.003</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        | V.12        | 3.819.758.923          | 6.674.000.003          |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.13        | 10.870.631.180         | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.14</b> | <b>20.020.700.000</b>  | <b>-</b>               |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | 20.020.700.000         | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>13.304.225.064</b>  | <b>4.857.260.850</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.9b        | 3.208.366.730          | 4.857.260.850          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        | V.15        | 10.095.858.334         | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>304.770.670.444</b> | <b>248.209.665.737</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>68.377.476.272</b> | <b>48.392.224.892</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>30.016.691.193</b> | <b>13.476.939.813</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.16        | 24.279.549.121        | 1.304.219.307         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.17        | 80.469.801            | 116.168.000           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.18        | -                     | 215.550.859           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 411.175.010           | 340.944.855           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.19        | 389.090.906           | 2.932.763.054         |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.20a       | 234.810.719           | 115.072.798           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.21a       | 4.545.243.136         | 8.375.868.440         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.22        | 76.352.500            | 76.352.500            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>38.360.785.079</b> | <b>34.915.285.079</b> |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.20b       | 65.500.000            | 120.000.000           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.21b       | 38.295.285.079        | 34.795.285.079        |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>236.393.194.172</b> | <b>199.817.440.845</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.23</b> | <b>236.393.194.172</b> | <b>199.817.440.845</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 195.000.000.000        | 195.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 195.000.000.000        | 195.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 29.736.000             | 29.736.000             |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | 205.199.847            | 205.199.847            |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 464.211.628            | 464.211.628            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 6.054.875.439          | 4.118.293.370          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 4.118.293.370          | 3.066.973.935          |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 1.936.582.069          | 1.051.319.435          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 34.639.171.258         | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>304.770.670.444</b> | <b>248.209.665.737</b> |

Lập, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Người lập biểu



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng



Phùng Thị Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quy



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND     |                      |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
|  |       |             | Năm nay              | Năm trước            |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 30.265.402.501       | 27.178.327.618       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | -                    | 216.820.699          |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 30.265.402.501       | 26.961.506.919       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 21.752.727.265       | 16.574.074.556       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 8.512.675.236        | 10.387.432.363       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 4.114.721.318        | 163.029.317          |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 419.668.422          | 336.590.086          |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 419.668.422          | 336.590.086          |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 3.516.864.314        | 3.274.756.375        |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 6.299.909.591        | 5.632.020.875        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 2.390.954.227        | 1.307.094.344        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 960.334.146          | 29.293.950           |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 269.623              | -                    |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 960.064.523          | 29.293.950           |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 3.351.018.750        | 1.336.388.294        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.10       | -                    | 285.068.859          |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                    | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>3.351.018.750</u> | <u>1.051.319.435</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              | 61    |             | <u>1.936.582.069</u> | <u>1.051.319.435</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62    |             | <u>1.414.436.681</u> | <u>-</u>             |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.11       | <u>99</u>            | <u>54</u>            |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.11       | <u>99</u>            | <u>54</u>            |

Lập, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quy

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Đơn vị tính: VND        |                         |
|--|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
|  |           |                | Năm nay                 | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                |                         |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                | 3.351.018.750           | 1.336.388.294           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                |                         |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        |                | 2.129.239.909           | 816.753.545             |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                | (18.481.778)            | (9.631.427)             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |                | -                       | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |                | (4.160.175.863)         | (163.029.317)           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |                | 419.668.422             | 336.590.086             |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                | -                       | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                | 1.721.269.440           | 2.317.071.181           |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                | 32.294.243.381          | (9.250.362.907)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                | 233.708.715             | (7.390.703.707)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                | 48.311.922.890          | 2.431.849.720           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                | 594.922.686             | 1.992.072.802           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                | -                       | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |                | (419.668.422)           | (336.590.086)           |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |                | (455.068.859)           | (85.668.108)            |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                | -                       | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |                | -                       | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                | <b>82.281.329.831</b>   | <b>(10.322.331.105)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |                | (6.110.602.136)         | (819.250.000)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |                | 50.000.000              | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |                | (88.844.000.000)        | (24.750.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |                | 68.700.000.000          | 5.050.000.000           |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |                | (51.425.000.000)        | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                | -                       | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |                | 623.928.019             | 53.155.339              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                | <b>(77.005.674.117)</b> | <b>(20.466.094.661)</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|  |           |             |                       |                       |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                       |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                     | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | 14.067.617.200        | 52.650.651.933        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (14.398.242.504)      | (19.279.156.471)      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                     | (529.207.500)         |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                     | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(330.625.304)</b>  | <b>32.842.287.962</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>4.945.030.410</b>  | <b>2.053.862.196</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>6.998.617.455</b>  | <b>4.944.755.259</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                     | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.943.647.865</b> | <b>6.998.617.455</b>  |

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Lập, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quy

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** **Năm 2022**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại

3. **Ngành nghề kinh doanh** :

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ trong năm bao gồm:

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê mặt bằng./.

Hoạt động chính của Công ty con: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn), cho thuê văn phòng.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**

Năm 2022 là năm đầu tiên Công ty lập BCTC hợp nhất, do đó số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán.

6. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 52 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 43 nhân viên).

7. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

*Công ty con*

| <b>Tên công ty</b>             | <b>Địa chỉ trụ sở chính</b>  | <b>Ngành nghề kinh doanh</b>          | <b>Tỷ lệ vốn góp thực tế</b> | <b>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</b> |
|--------------------------------|--|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cao Dương Phát | Đường Phủ Liễn, Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn) | 55%                          | 55%                           |

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Giá trị hợp nhất Công ty con tại ngày mua được xác định theo giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua.

#### 2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua,



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty. Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo: Căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư. Trường hợp bên được đầu tư là Công ty mẹ, căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

## 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
  - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 – 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 5 – 10        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10        |

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### **8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm. Giá trị hợp lý thuần của Công ty con tại thời điểm mua được xác định theo giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả tại Công ty.

#### **9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Tài sản đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### 19. Công cụ tài chính

#### **Tài sản tài chính**

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt                        | 4.494.331.779                | 4.200.753.458               |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.449.316.086                | 2.797.863.997               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>11.943.647.865</u></b> | <b><u>6.998.617.455</u></b> |

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>          |                             | <u>Số đầu năm</u>            |                              |
|--|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|  | <u>Giá gốc</u>              | <u>Giá trị ghi sổ</u>       | <u>Giá gốc</u>               | <u>Giá trị ghi sổ</u>        |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Quân Đội | 6.794.000.000               | 6.794.000.000               | 17.000.000.000               | 17.000.000.000               |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>6.794.000.000</u></b> | <b><u>6.794.000.000</u></b> | <b><u>17.000.000.000</u></b> | <b><u>17.000.000.000</u></b> |

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>           | <b><i>4.289.749.996</i></b> | <b><i>1.551.684.908</i></b> |
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng               | 4.273.605.586               | 1.551.684.908               |
| Công ty Cổ Phần Thương Mại Cao Bắc                 | 16.144.410                  | -                           |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>         | <b><i>2.273.828.600</i></b> | <b><i>1.283.505.336</i></b> |
| Công ty TNHH in và Thiết kế thương hiệu Tuấn Hoàng | 110.400.620                 | 235.250.000                 |
| Công ty TNHH Best Express Việt Nam                 | -                           | 228.450.947                 |
| Các khách hàng khác                                | 2.163.427.980               | 819.804.389                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>6.563.578.596</u></b> | <b><u>2.835.190.244</u></b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>        |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH phân phối ITC                         | -                        | 16.889.400               |
| Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam                     | -                        | 6.078.219                |
| Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ văn hóa Đình Tị | 37.765.149               | -                        |
| Các nhà cung cấp khác                              | 60.048.709               | 38.500.000               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>97.813.858</u></b> | <b><u>61.467.619</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Cho bà Dương Thị Thanh Hương vay với lãi suất 8%/năm | -                            | 500.000.000                 |
| Cho bà Nguyễn Thị Lan vay với lãi suất 8%/năm        | -                            | 500.000.000                 |
| Cho bà Nguyễn Thị Hải Hà vay với lãi suất 8%/năm     | -                            | 800.000.000                 |
| Cho bà Nguyễn Thị Lê vay với lãi suất 8%/năm         | -                            | 800.000.000                 |
| Cho bà Trần Thị Thúy vay với lãi suất 8%/năm         | -                            | 800.000.000                 |
| Cho bà Nguyễn Xuân Quỳnh vay với lãi suất 7,5%/năm   | 600.000.000                  | -                           |
| Cho bà Nguyễn Thị Hương vay với lãi suất 7,5%/năm    | 700.000.000                  | -                           |
| Cho bà Phạm Thị Hồng Hạnh vay với lãi suất 7,5%/năm  | 750.000.000                  | -                           |
| Cho bà Nguyễn Thị Xuyên vay với lãi suất 7,5%/năm    | 550.000.000                  | -                           |
| Cho bà Nguyễn Thị Hồng Mỹ vay với lãi suất 7,5%/năm  | 650.000.000                  | -                           |
| Cho Ông Đỗ Quang Hải vay với lãi suất 10%/năm        | 10.000.000.000               | -                           |
| Cho Bà Nguyễn Thị Linh vay với lãi suất 10%/năm      | 10.000.000.000               | -                           |
| Cho Ông Đàm Ngọc Cương vay với lãi suất 11%/năm      | 5.000.000.000                | -                           |
| Cho Ông Trương Quang Thắng vay với lãi suất 11%/năm  | 5.500.000.000                | -                           |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>33.750.000.000</u></b> | <b><u>3.400.000.000</u></b> |

**6. Các khoản phải thu khác****a, Ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            |                 | <u>Số đầu năm</u>           |                 |
|---|-------------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
|   | <u>Giá trị</u>                | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>              | <u>Dự phòng</u> |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>           | <b>140.906.350.000</b>        | -               | <b>7.233.350.000</b>        | -               |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*)    | 135.400.000.000               | -               | -                           | -               |
| Bà Lê Thị Mai Liên - Tạm ứng                | 300.000.000                   | -               | -                           | -               |
| Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng (**)            | 5.206.350.000                 | -               | 7.233.350.000               | -               |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> | <b>5.783.272.864</b>          | -               | <b>1.791.456.420</b>        | -               |
| Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi              | 3.633.450.801                 | -               | 142.657.502                 | -               |
| Tạm ứng                                     | 2.107.958.000                 | -               | 1.035.000.000               | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác            | 41.864.063                    | -               | 613.798.918                 | -               |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>146.689.622.864</u></b> | -               | <b><u>9.024.806.420</u></b> | -               |

(\*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2022/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND

(\*\*) Tạm ứng để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower tại số 65 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

**b, Dài hạn**

|   | Số cuối năm |          | Số đầu năm             |          |
|---|-------------|----------|------------------------|----------|
|   | Giá trị     | Dự phòng | Giá trị                | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                                       | -           | -        | <b>180.400.000.000</b> | -        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh | -           | -        | 180.400.000.000        | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>-</b>    | <b>-</b> | <b>180.400.000.000</b> | <b>-</b> |

**7. Nợ xấu**

|  | Số cuối năm                      |                   |                   | Số đầu năm                       |                   |                   |
|--|----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|-------------------|
|  | Thời gian quá hạn                | Giá gốc           | Dự phòng          | Thời gian quá hạn                | Giá gốc           | Dự phòng          |
| Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam           | <i>Đã thu hồi công nợ</i>        | -                 | -                 | <i>Trên 3 năm</i>                | 6.078.219         | 6.078.219         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG | <i>Đã thu hồi công nợ</i>        | -                 | -                 | <i>Trên 3 năm</i>                | 12.403.559        | 12.403.559        |
| Công ty CP May Xuất khẩu SiL - Han       | <i>Không có khả năng thu hồi</i> | 25.255.500        | 25.255.500        | <i>Không có khả năng thu hồi</i> | 25.255.500        | 25.255.500        |
| <b>Cộng</b>                              |                                  | <b>25.255.500</b> | <b>25.255.500</b> |                                  | <b>43.737.278</b> | <b>43.737.278</b> |

**8. Hàng tồn kho**

|                  | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                  | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | 391.125.898          | -        | -                    | -        |
| Hàng hóa         | 9.008.385.192        | -        | 6.778.978.725        | -        |
| <b>Cộng</b>      | <b>9.399.511.090</b> | <b>-</b> | <b>6.778.978.725</b> | <b>-</b> |

**9. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm                    | 4.680.000            | 2.731.332          |
| Chi phí thuê địa điểm kinh doanh    | 257.318.204          | 122.727.272        |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.028.098.494        | 110.666.660        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.290.096.698</b> | <b>236.125.264</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b, Chi phí trả trước dài hạn**

|                              | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ              | 2.614.436.443               | 2.580.260.850               |
| Dịch vụ vận chuyển trả trước | -                           | 2.277.000.000               |
| Chi phí sửa chữa             | 593.930.287                 | -                           |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>3.208.366.730</u></b> | <b><u>4.857.260.850</u></b> |

**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                       | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>                  |
|---------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------------------|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                               |  |                                  |                              |
| Số đầu năm                            | 14.750.061.815                | 179.970.582                            | 2.491.691.313                    | 17.421.723.710               |
| Tăng trong năm                        | 1.304.460.556                 | 79.066.818                             | 550.000.000                      | 1.933.527.374                |
| Tăng do hợp nhất                      | 39.354.386.827                | -                                      | -                                | 39.354.386.827               |
| Giảm trong năm do thanh lý            | -                             | -                                      | (641.283.333)                    | (641.283.333)                |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>55.408.909.198</u></b>  | <b><u>259.037.400</u></b>              | <b><u>2.400.407.980</u></b>      | <b><u>58.068.354.578</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                               |  |                                  |                              |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 662.451.960                   | 179.970.582                            | 979.802.333                      | 1.822.224.875                |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                               |  |                                  |                              |
| Số đầu năm                            | 6.559.490.255                 | 179.970.582                            | 1.282.344.547                    | 8.021.805.384                |
| Tăng do hợp nhất                      | 9.266.386.015                 | -                                      | -                                | 9.266.386.015                |
| Khấu hao trong năm                    | 1.721.045.549                 | 8.164.811                              | 392.367.048                      | 2.121.577.408                |
| Giảm do thanh lý                      | -                             | -                                      | (641.283.333)                    | (641.283.333)                |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>17.546.921.819</u></b>  | <b><u>188.135.393</u></b>              | <b><u>1.033.428.262</u></b>      | <b><u>18.768.485.474</u></b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                               |  |                                  |                              |
| Số đầu năm                            | 8.190.571.560                 | -                                      | 1.209.346.766                    | 9.399.918.326                |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>37.861.987.379</u></b>  | <b><u>70.902.007</u></b>               | <b><u>1.366.979.718</u></b>      | <b><u>39.299.869.104</u></b> |

Tài sản cố định là “nhà làm việc và bán hàng” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 4.185.729.287 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                    | Nguyên giá         | Hao mòn lũy kế       | Giá trị còn lại    |
|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| <b>Số đầu năm</b>  | <b>168.000.000</b> | <b>(168.000.000)</b> | -                  |
| Tăng trong năm     | 306.500.000        |                      | 306.500.000        |
| Khấu hao trong năm | -                  | (7.662.501)          | (7.662.501)        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>474.500.000</b> | <b>(175.662.501)</b> | <b>298.837.499</b> |

Trong đó, nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 168.000.000 VND.

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

|                                      | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.819.758.923        | -        | 6.674.000.003        | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>3.819.758.923</b> | <b>-</b> | <b>6.674.000.003</b> | <b>-</b> |

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                      | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Tăng do hợp nhất BCTC | Số cuối năm           |
|--------------------------------------|------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      |            |                             |                               |                       |                       |
| <b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>       | -          | <b>5.552.498.386</b>        | <b>(1.304.460.556)</b>        | -                     | <b>4.248.037.830</b>  |
| Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương | -          | 3.733.463.889               | -                             |                       | 3.733.463.889         |
| XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER | -          | 168.058.200                 | -                             |                       | 168.058.200           |
| Xây dựng, sửa chữa nhà sách Đại Từ   | -          | 309.802.778                 | (309.802.778)                 |                       | -                     |
| Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Phố Yên | -          | 994.657.778                 | (994.657.778)                 |                       | -                     |
| Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhai | -          | 346.515.741                 | -                             |                       | 346.515.741           |
| <b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>  | -          | <b>2.447.624.110</b>        | -                             | <b>4.174.969.240</b>  | <b>6.622.593.350</b>  |
| <b>Cộng</b>                          | -          | <b>8.000.122.496</b>        | <b>(1.304.460.556)</b>        | <b>4.174.969.240</b>  | <b>10.870.631.180</b> |

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

|                                       | Số cuối năm           |          |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|
|                                       | Giá gốc               | Dự phòng |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b> | <b>20.020.700.000</b> | -        |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (*) | 20.020.700.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>20.020.700.000</b> | <b>-</b> |

(\*) Trong năm, công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 2.002.070 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ bên liên quan là Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 20.020.700.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Lợi thế thương mại**

|                                   | <u>Năm nay</u>               |
|-----------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                        | -                            |
| Tăng trong năm do mua Công ty con | 10.816.991.072               |
| Phân bổ vào chi phí trong năm     | (721.132.738)                |
| <b>Số cuối năm</b>                | <b><u>10.095.858.334</u></b> |

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>           |                              | <u>Số đầu năm</u>           |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|  | <u>Giá trị</u>               | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u>              | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                        | <b>20.020.700.000</b>        | <b>20.020.700.000</b>        | -                           | -                            |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng                     | 20.020.700.000               | 20.020.700.000               | -                           | -                            |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                    | <b>4.258.849.121</b>         | <b>4.258.849.121</b>         | <b>1.304.219.307</b>        | <b>1.304.219.307</b>         |
| Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Hưng Phát Bắc Ninh | 6                            | 6                            | 197.304.460                 | 197.304.460                  |
| Ông Trịnh Gia Tùng                                       | -                            | -                            | -                           | -                            |
| Công ty cổ phần đầu tư Eco Valley Việt Nam               | 2.442.386.178                | 2.442.386.178                | 219.631.490                 | 219.631.490                  |
| Công ty TNHH Xây dựng Hà Phong                           | 382.701.000                  | 382.701.000                  | -                           | -                            |
| Các nhà cung cấp khác                                    | 1.433.761.937                | 1.433.761.937                | 887.283.357                 | 887.283.357                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>24.279.549.121</u></b> | <b><u>24.279.549.121</u></b> | <b><u>1.304.219.307</u></b> | <b><u>1.304.219.307</u></b>  |

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>         |
|--|--------------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL                      | 38.388.000               | 116.168.000               |
| CÔNG TY TNHH BEST EXPRESS (VIỆT NAM)                     | 28.502.465               | -                         |
| CN Thái Nguyên - Công ty CP dịch vụ tổng hợp WINCOMMERCE | 13.148.336               | -                         |
| Công ty bảo hiểm BSH Thái Nguyên                         | 431.000                  | -                         |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>80.469.801</u></b> | <b><u>116.168.000</u></b> |

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                    | <u>Số đầu năm</u>         |                          | <u>Số phát sinh</u>       |                             | <u>Số cuối năm</u>        |
|--------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
|                    | <u>Số phải nộp</u>        | <u>Số thuế nộp thừa</u>  | <u>Số phải nộp</u>        | <u>Số đã nộp</u>            | <u>Số thuế nộp thừa</u>   |
| Thuế TNDN          | 215.068.859               | -                        | -                         | (455.068.859)               | 240.000.000               |
| Thuế TNCN          | 482.000                   | -                        | 7.785.538                 | (8.267.538)                 | -                         |
| Tiền thuế đất      | -                         | 61.228.787               | 233.280.241               | (172.051.454)               | -                         |
| Các loại thuế khác | -                         | -                        | 4.000.000                 | (4.000.000)                 | -                         |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>215.550.859</u></b> | <b><u>61.228.787</u></b> | <b><u>245.065.779</u></b> | <b><u>(639.387.851)</u></b> | <b><u>240.000.000</u></b> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>    |
|---|--------------------|----------------------|
| <b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</b>           | -                  | <b>2.736.399.435</b> |
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng                                      | -                  | 2.732.399.435        |
| Công ty Cổ phần thương mại Cao Bắc  | -                  | 4.000.000            |
| <b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b> | <b>389.090.906</b> | <b>196.363.619</b>   |
| Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI                                    | 290.909.091        | -                    |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội                                     | -                  | 196.363.619          |
| Các khách hàng khác   | 98.181.815         | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>389.090.906</b> | <b>2.932.763.054</b> |

**20. Các khoản phải trả khác****a, Ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|---|--------------------|--------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                 | <b>199.680.000</b> | <b>114.372.000</b> |
| Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả | 199.680.000        | 114.372.000        |
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>        | <b>35.130.719</b>  | <b>700.798</b>     |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                  | 35.130.719         | 700.798            |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>234.810.719</b> | <b>115.072.798</b> |

**b, Dài hạn**

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

**21. Vay và nợ thuê tài chính****a, Ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>   |                              | <u>Số đầu năm</u>    |                              |
|--|----------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|
|  | <u>Giá trị</u>       | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên (1) | 4.545.243.136        | 4.545.243.136                | 8.375.868.440        | 8.375.868.440                |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.545.243.136</b> | <b>4.545.243.136</b>         | <b>8.375.868.440</b> | <b>8.375.868.440</b>         |

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2022, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2023. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

|                           | <b>Số đầu năm</b>    | <b>Số tiền vay phát sinh trong năm</b> | <b>Số tiền vay đã trả trong năm</b> | <b>Số cuối năm</b>   |
|---------------------------|----------------------|--|-------------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn cá nhân khác | -                    | 1.200.000.000                          | (1.200.000.000)                     | -                    |
| Vay ngắn hạn ngân hàng    | 8.375.868.440        | 9.367.617.200                          | (13.198.242.504)                    | 4.545.243.136        |
| <b>Cộng</b>               | <b>8.375.868.440</b> | <b>10.567.617.200</b>                  | <b>(14.398.242.504)</b>             | <b>4.545.243.136</b> |

**b, Dài hạn**

|  | <b>Số cuối năm</b>    |                              | <b>Số đầu năm</b>     |                              |
|--|-----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
|  | <b>Giá trị</b>        | <b>Số có khả năng trả nợ</b> | <b>Giá trị</b>        | <b>Số có khả năng trả nợ</b> |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i> | <b>38.295.285.079</b> | <b>38.295.285.079</b>        | <b>34.795.285.079</b> | <b>34.795.285.079</b>        |
| Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng                               | 38.295.285.079        | 38.295.285.079               | 34.795.285.079        | 34.795.285.079               |
| <b>Cộng</b>  | <b>38.295.285.079</b> | <b>38.295.285.079</b>        | <b>34.795.285.079</b> | <b>34.795.285.079</b>        |

Là các khoản vay với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng tổng giá trị cho vay là 38.295.285.079 VND; lãi suất 7,5%/năm. Mục đích dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty trừ tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

|                                      | <b>Số đầu năm</b>     | <b>Số tiền vay phát sinh trong năm</b> | <b>Số tiền vay đã trả trong năm</b> | <b>Số cuối năm</b>    |
|--------------------------------------|-----------------------|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng | 34.795.285.079        | 3.500.000.000                          | -                                   | 38.295.285.079        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>34.795.285.079</b> | <b>3.500.000.000</b>                   | <b>-</b>                            | <b>38.295.285.079</b> |

**22. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

|                 | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng | 38.176.250         | 38.176.250        |
| Quỹ phúc lợi    | 38.176.250         | 38.176.250        |
| <b>Cộng</b>     | <b>76.352.500</b>  | <b>76.352.500</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**23. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay           | 195.000.000.000           | 29.736.000           | 205.199.847             | 464.211.628           | 3.066.973.935            | -                               | 198.766.121.410        |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                         | -                    | -                       | -                     | 1.051.319.435            | -                               | 1.051.319.435          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>195.000.000.000</b>    | <b>29.736.000</b>    | <b>205.199.847</b>      | <b>464.211.628</b>    | <b>4.118.293.370</b>     | <b>-</b>                        | <b>199.817.440.845</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 195.000.000.000           | 29.736.000           | 205.199.847             | 464.211.628           | 4.118.293.370            | -                               | 199.817.440.845        |
| Tăng do hợp nhất BCTC       | -                         | -                    | -                       | -                     | -                        | 33.224.734.577                  | 33.224.734.577         |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                         | -                    | -                       | -                     | 1.936.582.069            | 1.414.436.681                   | 3.351.018.750          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>195.000.000.000</b>    | <b>29.736.000</b>    | <b>205.199.847</b>      | <b>464.211.628</b>    | <b>6.054.875.439</b>     | <b>34.639.171.258</b>           | <b>236.393.194.172</b> |

**Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

|                                      | Số cuối năm            | Tỷ lệ          | Số đầu năm             | Tỷ lệ          |
|--------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 36.000.000.000         | 18,46%         | 36.000.000.000         | 18,46%         |
| Bà Nguyễn Thị Vinh                   | 21.550.200.000         | 11,05%         | 21.550.200.000         | 11,05%         |
| Bà Nguyễn Thị Quy                    | 26.216.200.000         | 13,44%         | 26.216.200.000         | 13,44%         |
| Bà Bạch Phương Vinh                  | 21.546.000.000         | 11,05%         | 21.546.000.000         | 11,05%         |
| Các cổ đông khác                     | 89.687.600.000         | 46,00%         | 89.687.600.000         | 46,00%         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>195.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>195.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 19.500.000         | 19.500.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 19.500.000         | 19.500.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 19.500.000         | 19.500.000        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                   | -                  | -                 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | -                  | -                 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 19.500.000         | 19.500.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 19.500.000         | 19.500.000        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

|                            | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa     | 19.815.230.488               | 20.970.971.640               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 10.450.172.013               | 6.207.355.978                |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>30.265.402.501</u></b> | <b><u>27.178.327.618</u></b> |

Giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan phát sinh trong năm như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng</b> |                |                  |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>   | 5.782.160.819  | 3.438.413.642    |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>           | 3.528.762.998  | 2.969.673.291    |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Cao Bắc</b>   |                |                  |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>   | 211.875.632    | 9.913.181        |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>           | 1.226.592.593  | 12.000.000       |

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u>          |
|-----------------------|-----------------|---------------------------|
| Chiết khấu thương mại | -               | 216.820.699               |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>-</u></b> | <b><u>216.820.699</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Giá vốn hàng bán**

|                                 | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 15.454.406.757               | 13.226.062.602               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 6.298.320.508                | 3.348.011.954                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>21.752.727.265</u></b> | <b><u>16.574.074.556</u></b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>          |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.114.721.318               | 163.029.317               |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>4.114.721.318</u></b> | <b><u>163.029.317</u></b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                 | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|-----------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 419.668.422               | 336.590.086               |
| <b>Cộng</b>     | <b><u>419.668.422</u></b> | <b><u>336.590.086</u></b> |

**6. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 2.615.833.322               | 2.817.026.550               |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 3.224.962                   | 9.418.387                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 221.341.885                 | 166.163.115                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 232.142.317                 | 162.910.175                 |
| Các chi phí khác                 | 444.321.828                 | 119.238.148                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>3.516.864.314</u></b> | <b><u>3.274.756.375</u></b> |

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên                    | 1.620.858.190               | 1.304.307.357               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định         | 1.907.898.024               | 650.590.430                 |
| Thuế, phí và lệ phí                      | 441.760.064                 | 329.902.949                 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi | (18.481.778)                | (9.631.427)                 |
| Phân bổ lợi thế thương mại               | 721.132.738                 | -                           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                | 14.278.281                  | 39.983.780                  |
| Các chi phí khác                         | 1.612.464.072               | 3.316.867.786               |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>6.299.909.591</u></b> | <b><u>5.632.020.875</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Thu nhập khác**

|                         | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>         |
|-------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Công nợ không phải trả  | -                         | 28.812.656               |
| Thu thanh lý TSCĐ       | 45.454.545                | -                        |
| Các khoản thu nhập khác | 914.879.601               | 481.294                  |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>960.334.146</u></b> | <b><u>29.293.950</u></b> |

**9. Chi phí khác**

|              | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u> |
|--------------|-----------------------|------------------|
| Chi phí khác | 269.623               | -                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>269.623</u></b> | <b><u>-</u></b>  |

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm nay</u>               |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.224.962                    | 800.011.801                  |
| Chi phí nhân công                | 5.234.267.399                | 4.121.333.907                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.129.239.909                | 816.753.545                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.073.193.651                | 2.760.312.495                |
| Chi phí khác                     | 3.820.927.412                | 3.743.749.706                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>13.260.853.333</u></b> | <b><u>12.242.161.454</u></b> |

**11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|  | <u>Năm nay</u>   | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 1.936.582.069    | 1.051.319.435    |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -                | -                |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu   | 1.936.582.069    | 1.051.319.435    |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm  | 19.500.000       | 19.500.000       |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>   | <b><u>99</u></b> | <b><u>54</u></b> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|   | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>         |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 19.500.000               | 19.500.000               |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b><u>19.500.000</u></b> | <b><u>19.500.000</u></b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

|                           | Năm nay        | Năm trước      |
|---------------------------|----------------|----------------|
| <b>Bà Nguyễn Thị Quy</b>  |                |                |
| Nhận tiền tạm ứng         | 73.496.000.000 | 35.480.700.000 |
| Hoàn tiền tạm ứng         | 75.523.000.000 | 28.247.350.000 |
| <b>Bà Lã Thị Mai Liên</b> |                |                |
| Tạm ứng                   | 300.000.000    |                |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.6a

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

Thu nhập từ lương và phụ cấp của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

| <b>Họ và tên</b>       | <b>Chức vụ</b>           | <b>Năm nay</b> |
|------------------------|--------------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Quốc Thái   | Chủ tịch HĐQT            | 42.360.000     |
| Bà Nguyễn Thị Quy      | Ủy viên HĐQT             | 21.180.000     |
| Bà Nguyễn Thị Vinh     | Ủy viên HĐQT             | 8.472.000      |
| Bà Bạch Phương Vinh    | Ủy viên HĐQT             | 8.472.000      |
| Bà Lê Thị Hoài Anh     | Ủy viên HĐQT             | 8.472.000      |
| Bà Lã Thị Mai Liên     | Phó Tổng Giám đốc        | 162.323.000    |
| Ông Kiều Văn Hậu       | Phó Tổng Giám đốc        | 67.555.000     |
| Bà Phùng Thị Hà        | Kế toán trưởng           | 143.622.000    |
| Ông Phạm Như Cường     | Thành viên Ban kiểm soát | 132.977.000    |
| Bà Nguyễn Thị Minh     | Thành viên Ban kiểm soát | 73.418.000     |
| Bà Nguyễn Thị Như Thùy | Thành viên Ban kiểm soát | 72.041.000     |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan</b>                 | <b>Mối quan hệ</b>  |
|--------------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | Cổ đông lớn   |
| Công ty Cổ phần Thương mại Cao Bắc   | Bà Nguyễn Thị Quy là người đại diện theo pháp luật của cả 2 công ty |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng</b>                 |                |                  |
| <i>Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>       | 7.064.353.351  | 9.520.588.217    |
| <i>Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>                | 4.342.432.673  | 9.853.072.310    |
| <i>Phải trả tiền mua hàng hóa</i>                           | -              | 322.193.380      |
| <i>Bù trừ công nợ phải thu - phải trả</i>                   | -              | 322.193.380      |
| <i>Nhận tiền vay</i>  | 3.500.000.000  | 35.445.285.079   |
| <i>Trả tiền vay</i>   | -              | 650.000.000      |
| <i>Phải trả tiền mua cổ phần Pvcombank</i>                  | 20.020.700.000 | -                |
| <i>Thu lại tiền hợp tác kinh doanh</i>                      | 45.000.000.000 | -                |
| <i>Doanh thu cho thuê xe nhận trước phát sinh trong năm</i> | 2.732.399.435  | -                |
| <br>  |                |                  |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Cao Bắc</b>                   |                |                  |
| <i>Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>       | 1.548.384.410  | 24.104.500       |
| <i>Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>                | 1.532.240.000  | 36.104.500       |
| <i>Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng</i>             | 4.000.000      | -                |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3, V.4

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

### A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

**Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

Lĩnh vực thương mại

Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản và dịch vụ khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|   | <b>Lĩnh vực thương mại</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản và dịch vụ khác</b> | <b>Cộng</b>           |
|---|----------------------------|--|-----------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 19.815.230.488             | 10.450.172.013   | 30.265.402.501        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>19.815.230.488</b>      | <b>10.450.172.013</b>                                    | <b>30.265.402.501</b> |
| Chi phí theo bộ phận  | 15.454.406.757             | 6.298.320.508  | 21.752.727.265        |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 4.360.823.731              | 4.151.851.505  | 8.512.675.236         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                            |  | 9.816.773.905         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                            |  | (1.304.098.669)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                            |  | 4.114.721.318         |
| Chi phí tài chính   |                            |  | 419.668.422           |
| Thu nhập khác   |                            |  | 960.334.146           |
| Chi phí khác  |                            |  | 269.623               |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                            |  | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                            |  | <b>3.351.018.750</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>10.459.568.167</b>      | <b>197.040.584</b>                                       | <b>10.656.608.751</b> |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>5.393.745.978</b>       | <b>411.807.488</b>                                       | <b>5.805.553.466</b>  |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | <b>Lĩnh vực thương mại</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản</b> | <b>Cộng</b>            |
|--|----------------------------|--|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                            |  |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 68.866.431.226             | 5.956.776.952                            | 74.823.208.178         |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -                          | -  | -                      |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                            |  | 229.947.462.266        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                            |  | <b>304.770.670.444</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 4.339.318.922              | 389.090.906                              | 4.728.409.828          |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -                          | -  | -                      |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                            |  | 63.649.066.444         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                            |  | <b>68.377.476.272</b>  |

**B, Thông tin về khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, do đó công ty không lập báo cáo theo khu vực địa lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|                                    | Giá trị sổ sách        |                       | Giá trị hợp lý         |                       |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối năm            | Số đầu năm            | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                       |                        |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.943.647.865         | 6.998.617.455         | 11.943.647.865         | 6.998.617.455         |
| Phải thu khách hàng                | 6.538.323.096          | 2.791.452.966         | 6.538.323.096          | 2.791.452.966         |
| Các khoản cho vay                  | 33.750.000.000         | 3.400.000.000         | 33.750.000.000         | 3.400.000.000         |
| Các khoản phải thu khác            | 146.689.622.864        | 9.024.806.420         | 146.689.622.864        | 9.024.806.420         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 20.020.700.000         | -                     | 20.020.700.000         | 20.020.700.000        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>218.942.293.825</b> | <b>22.214.876.841</b> | <b>218.942.293.825</b> | <b>42.235.576.841</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                        |                       |                        |                       |
| Vay và nợ                          | 42.840.528.215         | 43.171.153.519        | 42.840.528.215         | 43.171.153.519        |
| Phải trả người bán                 | 24.279.549.121         | 1.304.219.307         | 24.279.549.121         | 1.304.219.307         |
| Các khoản phải trả khác            | 776.985.729            | 696.017.653           | 776.985.729            | 696.017.653           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>67.897.063.065</b>  | <b>45.171.390.479</b> | <b>67.897.063.065</b>  | <b>45.171.390.479</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                           |                             |                   |                       |
| Vay và nợ               | 4.545.243.136             | 38.295.285.079              |                   | 42.840.528.215        |
| Phải trả người bán      | 24.279.549.121            |                             |                   | 24.279.549.121        |
| Các khoản phải trả khác | 711.485.729               | 65.500.000                  |                   | 776.985.729           |
| <b>Cộng</b>             | <b>29.536.277.986</b>     | <b>38.360.785.079</b>       | <b>-</b>          | <b>67.897.063.065</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                           |                             |                   |                       |
| Vay và nợ               | 8.375.868.440             | 34.795.285.079              |                   | 43.171.153.519        |
| Phải trả người bán      | 1.304.219.307             |                             |                   | 1.304.219.307         |
| Các khoản phải trả khác | 576.017.653               | 120.000.000                 |                   | 696.017.653           |
| <b>Cộng</b>             | <b>10.256.105.400</b>     | <b>34.915.285.079</b>       | <b>-</b>          | <b>45.171.390.479</b> |

#### **6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### **7. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Nghị quyết HĐQT số 03/2023/STH/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Công ty đã thông qua việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát (Công ty con). Theo đó, Công ty sẽ thoái toàn bộ phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát bằng hình thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 56.100.000.000 VND. Ngày 04 tháng 5 năm 2023, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 001/HĐCN-CDP/PHS-TH về việc chuyển nhượng nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quy